

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66.12/2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 18/2023/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 48/2019/QH14, Luật số 52/2024/QH15, Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự số 78/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2019/QH14, Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị quyết tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới luật có quy định liên quan đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

1. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan quân sự địa phương trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

2. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có chức năng tham mưu với đảng ủy, chỉ huy cấp trên; đảng ủy, chính quyền địa phương cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng ở địa phương; tổ chức xây dựng, quản lý, chỉ huy, điều hành đơn vị và lực lượng vũ trang thuộc quyền vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn cấp xã.

3. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, trụ sở riêng. Mẫu con dấu, tổ chức khắc dấu, đăng ký, quản lý, sử dụng con dấu của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 4. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

1. Tham mưu cho đảng ủy, chỉ huy cấp trên; đảng ủy, chính quyền cấp xã lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ chức, xây dựng, điều động lực lượng dân quân theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu cho đảng ủy, chính quyền cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về công tác quốc phòng địa phương; chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở địa phương; chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang khi có tình huống về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

3. Huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu

a) Chủ trì tham mưu cho đảng ủy, chính quyền cấp xã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, tìm kiếm, cứu nạn;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng cùng cấp xây dựng văn kiện tác chiến và thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu;

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện cho lực lượng thường trực, Dân quân tự vệ theo kế hoạch huấn luyện chiến đấu của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

d) Tổ chức hội thi, hội thao; tham gia hội thi, hội thao các cấp;

đ) Duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chiến đấu của các lực lượng vũ trang địa phương, dân quân tự vệ thuộc quyền;

e) Phối hợp với các đơn vị Công an, Quân đội và lực lượng khác trên địa bàn trong diễn tập, hội thi, hội thao, phục vụ chiến đấu và chiến đấu; tham gia phòng, chống hoạt động khủng bố, phá hoại, gây rối, bạo loạn, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội;

g) Tham mưu, xử lý các tình huống liên quan đến quân sự, quốc phòng, phòng thủ dân sự; chuẩn bị mọi mặt, thực hiện mệnh lệnh, quyết định, biện pháp trong giới nghiêm, thiết quân luật, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, động viên cục bộ, tổng động viên đáp ứng yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu của địa phương.

4. Xây dựng lực lượng

a) Xây dựng lực lượng thường trực, gồm: Tổ chức thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền về quy hoạch, tổ chức, biên chế của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; quản lý, sử dụng quân số; thực hiện công tác chính sách cho các đối tượng theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, gồm: Tổ chức thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền về xây dựng lực lượng; tổ chức huấn luyện, kiểm tra các hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn; bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác quân sự ở cơ quan, tổ chức, địa phương; thực hiện chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng lực lượng dự bị động viên, gồm: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng, tham mưu cho đảng ủy, chính quyền cấp xã thực hiện chỉ tiêu kế hoạch xây dựng, huy động và tiếp nhận lực lượng dự bị động viên theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thực hiện công tác động viên quân đội, động viên công nghiệp ở địa phương; thực hiện lệnh động viên cục bộ, tổng động viên theo quyết định của cấp có thẩm quyền; quản lý nguồn dự bị động viên; phối hợp với các đơn vị nhận nguồn và các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của địa phương để xây dựng và nâng cao chất lượng các đơn vị dự bị động viên;

d) Chủ trì tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã về công tác tuyển quân; thực hiện công tác tuyển sinh quân sự; phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan tiếp nhận, hướng nghiệp việc làm cho quân nhân xuất ngũ.

5. Xây dựng khu vực phòng thủ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cùng cấp tham mưu, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng tiềm lực trong khu vực phòng thủ và hoạt động của các lực lượng trong khu vực phòng thủ;

b) Chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang giữ vững khu vực phòng thủ trong mọi tình huống.

6. Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cùng cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh; quản lý, tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định của pháp luật; phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

7. Công tác hậu cần, kỹ thuật

Thực hiện công tác hậu cần, kỹ thuật theo quy định; đăng ký, quản lý và sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị của đơn vị dân quân thuộc quyền.

8. Phối hợp với các lực lượng Công an, Biên phòng, Hải quân, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Kiểm lâm và cơ quan, tổ chức có liên quan giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, bảo vệ địa bàn, chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền.

9. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp xã tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, mệnh lệnh của chỉ huy cấp trên.

Điều 5. Tổ chức của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

1. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã gồm Chỉ huy trưởng, Chính trị viên do Bí thư đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó, các trợ lý và nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ và các chức danh của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, bảo đảm không tăng tổng biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Kinh phí bảo đảm

1. Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm nguồn kinh phí xây dựng trụ sở làm việc, thao trường, bãi tập; ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí thực hiện cho các địa phương có khó khăn về ngân sách.

Điều 7. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương

1. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước đối với Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch, bố trí quỹ đất, kinh phí để xây dựng trụ sở làm việc, thao trường, bãi tập cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực, nội dung quy định tại Điều 20, điểm d khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15 và nội dung trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác với quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị quyết này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật và điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung kèm theo Nghị quyết này.

2. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, theo dõi, tổng hợp vướng mắc, kiến nghị, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này..

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b). **70**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



Phụ lục

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 66.12/2026/NQ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành	Đề xuất nội dung sửa đổi	Cơ quan trình	Thời gian trình
1	Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15	<p>Sửa đổi quy định chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ tại khoản 1 Điều 19:</p> <p>"1. Các chức vụ chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức bao gồm:</p> <p>a) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên;</p> <p>b) Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó."</p> <p>Sửa đổi quy định Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng tại khoản 1 Điều 20:</p> <p>"1. Ban chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan thường trực công tác quốc phòng ở cấp xã. Thành phần Ban chỉ huy quân sự cấp xã bao gồm:</p> <p>a) Chỉ huy trưởng là công chức, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã;</p> <p>b) Chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm;</p> <p>c) Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm;</p> <p>d) Phó Chỉ huy trưởng và Trợ lý là công chức."</p>	Bộ Quốc phòng	Năm 2026



		<p>- Sửa đổi quy định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ tại điểm đ khoản 1 Điều 23:</p> <p>"đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy, trợ lý của Ban chỉ huy quân sự cấp xã".</p> <p>- Sửa đổi quy định về việc phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ tại khoản 1, 2, 3 Điều 33:</p> <p>"1. Các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ quy định tại Điều 19 của Luật này được hưởng phụ cấp chức vụ.</p> <p>2. Các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.</p> <p>3. Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên".</p> <p>- Sửa đổi quy định về nhiệm vụ chi của địa phương quy định tại khoản 6 Điều 38:</p> <p>"6. Mua sắm trang phục, phù hiệu cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, dân quân, tự vệ của cơ quan, tổ chức của địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật này."</p>		
2	Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về vị trí việc làm công chức	Sửa đổi Phụ lục V kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP để bãi bỏ quy định về vị trí việc làm của Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Trợ lý của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã	Bộ Nội vụ	Năm 2026

3	<p>Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP</p>	<p>- Sửa đổi số lượng Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tại Điều 4:</p> <p>"1. Số lượng Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã như sau:</p> <p>a) Đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã biên giới, ven biển, đảo được bố trí không quá 02 Phó chỉ huy trưởng. Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã trong số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;</p> <p>b) Đơn vị hành chính cấp xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bố trí 01 Phó chỉ huy trưởng.</p> <p>2. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức bố trí 01 Phó chỉ huy trưởng. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự và tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm không quá 02 Phó Chỉ huy trưởng theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan, tổ chức".</p>	Bộ Quốc phòng	Năm 2026
---	---	--	---------------	----------

		<p>- Sửa đổi tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, đơn vị dân quân thường trực tại Điều 5:</p> <p>"1. Tiêu chuẩn, định mức cơ bản trang thiết bị làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định trang thiết bị nơi làm việc của Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cho phù hợp.</p> <p>3. Hằng ngày, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, đơn vị dân quân thường trực được cấp 01 số Báo Quân đội nhân dân.</p> <p>Địa phương bảo đảm kinh phí mua báo cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, đơn vị dân quân thường trực; cơ quan, tổ chức bảo đảm kinh phí mua báo cho Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức mình."</p> <p>- Sửa đổi về chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 7:</p> <p>"1. Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ được chi trả theo tháng, mức hưởng như sau:</p> <p>a) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 561.600 đồng;</p>		
--	--	--	--	--

		<p>b) Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn; Hải đoàn trưởng, Chính trị viên hải đoàn; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội dân quân thường trực; Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội Dân quân tự vệ cơ động: 514.800 đồng".</p> <p>- Sửa đổi chế độ phụ cấp hằng tháng, trợ cấp một lần, tiền ăn của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã tại khoản 1 Điều 8:</p> <p>"1. Đối với Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã</p> <p>a) Mức phụ cấp hằng tháng thực hiện theo quy định của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;</p> <p>b) Trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng 1,5 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng.</p>		
--	--	---	--	--

		<p>c) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã trong thời gian làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu, tham gia huấn luyện, bồi dưỡng, tập huấn, chỉ huy đơn vị dân quân làm nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phê duyệt hoặc quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên được bảo đảm tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ; được bảo đảm tiền ăn thêm các ngày lễ, tết bằng mức tiền ăn thêm các ngày lễ, tết của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam”.</p> <p>- Sửa chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã tại Điều 9:</p> <p>"1. Mức phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự được tính bằng 50% tổng phụ cấp hiện hưởng gồm: Phụ cấp hằng tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên.</p> <p>2. Thời gian được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự, tính từ ngày có quyết định bổ nhiệm, và thực hiện cho đến khi có quyết định thôi giữ chức vụ đó; trường hợp giữ chức vụ từ 15 ngày trở lên trong tháng thì được hưởng phụ cấp cả tháng, giữ chức vụ dưới 15 ngày trong tháng thì được hưởng 50% phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của tháng đó".</p>		
--	--	---	--	--

		<p>- Sửa chế độ phụ cấp thâm niên của các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã tại Điều 10:</p> <p>"1. Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên. Mức phụ cấp được hưởng như sau: Sau 05 năm (đủ 60 tháng) công tác thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hoặc phụ cấp hằng tháng hiện hưởng; từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.</p> <p>2. Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác ở các ngành nghề khác nếu được hưởng phụ cấp thâm niên thì được cộng nối thời gian đó với thời gian giữ các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã để tính hưởng phụ cấp thâm niên. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên quy định tại khoản 1 Điều này nếu có đứt quãng thì được cộng dồn.</p> <p>3. Chế độ phụ cấp thâm niên của Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã được tính trả cùng kỳ lương, phụ cấp hằng tháng.</p> <p>Phụ cấp thâm niên của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã được tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.</p>		
--	--	---	--	--

		<p>4. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp thâm niên</p> <p>a) Thời gian bị đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử; thời gian chấp hành hình phạt tù giam; thời gian tự ý nghỉ việc;</p> <p>b) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương hoặc phụ cấp liên tục từ 01 tháng trở lên;</p> <p>c) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội".</p>		
4	Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ	Sửa đổi quy định chức vụ tương đương và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với sĩ quan dự bị đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, quy định tại Điều 15	Bộ Quốc phòng	Năm 2026
5	Thông tư số 54/2025/TT-BQP ngày 26/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Bổ sung "Chỉ huy trưởng, Chính trị viên; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó" để phù hợp quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2008/QH12; Luật số 72/2014/QH13; Luật số 48/2019/QH14; Luật số 52/2024/QH15; Luật số 98/2025/QH15	Bộ Quốc phòng	Năm 2026
6	Thông tư số 80/2025/TT-BQP ngày 23/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc khối Quân khu	Bổ sung "Chỉ huy trưởng, Chính trị viên; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó" để phù hợp quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2008/QH12; Luật số 72/2014/QH13; Luật số 48/2019/QH14; Luật số 52/2024/QH15; Luật số 98/2025/QH15	Bộ Quốc phòng	Năm 2026

7	Thông tư số 11/2025/TT-BQP ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức vụ, chức danh tương đương và chức vụ chức danh có cấp bậc quân hàm cao nhất là cấp tá, cấp úy của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam	Bổ sung quy định chức vụ, chức danh tương đương và chức vụ chức danh Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để thống nhất thực hiện	Bộ Quốc phòng	Năm 2026
---	---	---	---------------	----------